

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: ấp HC, xã MH, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp HC, xã MH, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị và anh C bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, không có tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Phi H1, sinh ngày 15/01/2014, đang sống chung với anh C cách đây khoảng 03 tháng. Trong thời gian chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung gì cũng không nợ ai.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên rượu chè và đánh chị, chị bỏ nhà ra đi từ tháng 07/2019 cho đến nay còn con thì anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian ly thân cả hai không gặp nhau

bàn bạc hàn gắn gia đình, không ai quan tâm đến ai. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu B, đồng ý để anh C tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang thất nghiệp và đang xin việc làm mới, chưa có việc làm nhưng chị đảm bảo cho việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh thống nhất ý kiến chị H. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng, anh có uống rượu nhưng không thường xuyên, anh có đánh chị H là do quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh không tận mắt chứng kiến chị H ăn nằm với người khác nhưng anh tận mắt chứng kiến chị H đi cùng với người đó, anh có khuyên chị H rất nhiều lần nhưng không nghe và chị bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở từ tháng 07/2019 cho đến nay, trong thời gian bỏ nhà ra đi con sống với anh. Chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu H1, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Chị H có yêu cầu ly hôn và anh C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

[2] Về con chung: Chị H có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 29/9/2012, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, ngược lại anh C có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Nguyễn Phi H1, sinh ngày 15/01/2014. Xét thấy cháu B và cháu H1 còn nhỏ, nhưng chị H bỏ nhà đi không chăm sóc con để anh C tự chăm sóc và đưa đón con đi học mỗi ngày, hơn nữa cháu B thì có nguyện vọng được sống chung với anh C, anh C làm công nhân có thu nhập ổn định có điều kiện đảm bảo nuôi con và có nơi ở ổn định. Đối với chị H có yêu cầu nuôi cháu B nhưng chị không có nơi ở ổn định và cũng không có việc làm. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu B và cháu H1 cho anh C được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Riêng việc cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 53, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị H với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 29/9/2012 và Nguyễn Phi H1, sinh ngày 15/01/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0031883 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DT, tỉnh Bình Dương. Ghi nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện DT;
- Chi cục THADS huyện DT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng